

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/KDTM-ST

Ngày 31-8 -2022

"V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Chu Thị Bích Hiền

**Các hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Bích Phương  
2. Ông Trần Xuân Viên

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

**Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên:** Bà Đinh Thị Hương Lý – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 36/2021/TLST – KSTM ngày 15 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX-KDTM ngày 21/7/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty TNHH XD CT

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Duy Th- chức vụ Giám đốc.

**Địa chỉ trụ sở và nơi thường trú:** Số nhà X, tổ Y, phường TL, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

**Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH XD CT:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958; Địa chỉ: số B, tổ Y, phường H, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

**Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH XD CT:** Ông Phùng Đức Tr- Luật sư văn phòng luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên

**Địa chỉ:** số B, tổ Y, phường H, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

**Bị đơn:** Công ty TNHH SX &TM B

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Ngọc Ng- chức vụ Giám đốc.

**Địa chỉ:** tổ X, phường TL, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt bà Th, ông Tr, vắng mặt bị đơn)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hòa giải người được ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH XD CT trình bày:

Công ty TNHH XD CT (viết tắt CT CT) đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Duy Th và Công ty TNHH SX &TM B (viết tắt CT B) đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Ngọc Ng ký kết hợp đồng nguyên tắc số 012019/HĐNT/BAT-CT ngày 09/01/2019 về việc mua bán đá Thạch Anh Thô. Thực hiện theo hợp đồng CT CT đã bán cho CT B 550,29 tấn đá Thạch Anh thô với tổng giá trị thành tiền là 385,203,000 đồng (Ba trăm tám mươi năm triệu, hai trăm linh ba nghìn đồng). Thực hiện hợp đồng CT CT đã tiến hành giao nhận hàng làm 02 lần như sau:

Lần 1: Ngày 07/3/2019 CT CT đã bán cho CT B số lượng 380,61 tấn đá Thạch Anh thô với giá trị là 700.000 đồng/1 tấn, tổng giá trị thành tiền là 266,427,000 đồng;

Lần 2: Ngày 22/4/2019 CT CT đã bán cho CT B số lượng 169,68 tấn đá Thạch Anh thô với giá trị là 700.000 đồng/1 tấn, tổng giá trị thành tiền là 118,776,000 đồng;

Toàn bộ số hàng bên bán là CT CT đã bàn giao cho bên mua là CT B, bên mua đã nhận đủ hàng và đảm bảo về chất lượng, số lượng, thời gian và phương thức giao hàng như nội dung đã ký kết trong hợp đồng, đồng thời giữa hai bên đã ký biên bản giao nhận nghiệm thu hàng hóa. Sau khi nhận đủ hàng bên mua nhận đủ hàng nhưng không thanh toán cho bên bán và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bên bán từ thời điểm giao hàng cho đến nay là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng đã ký kết và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất của bên bán. CT CT đã nhiều lần gọi điện liên lạc và gặp trực tiếp trao đổi nhưng bị đơn vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền hàng trên. Để đảm bảo quyền lợi cho CT CT đề nghị Tòa án buộc CT B phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là: 729.118.279 đồng, trong đó số tiền gốc mua bán hàng là: 385,203,000 đồng (Ba trăm tám mươi năm triệu, hai trăm linh ba nghìn đồng); Số tiền lãi tính từ ngày 22/5/2019 đến ngày 04/11/2021 với lãi suất 10%/1 tháng là: 343,986,279 đồng, trong quá trình hòa giải nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu thanh toán nợ gốc và thay đổi yêu cầu về mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, có thay đổi về thời gian tính lãi số tiền chậm trả theo từng đợt giao hàng.

\* Tại bản tự khai, quá trình hòa giải đại diện theo pháp luật của bị đơn CT B (ông Nguyễn Ngọc Ng) trình bày: Giữa CT B và CT CT có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 012019/HĐNT/BAN-CT về việc mua bán đá Thạch Anh thô, việc giao nhận hàng hóa và các nội dung trong hợp đồng như nguyên đơn trình bày là đúng. Bị đơn xác định việc mua bán hàng hóa giữa CT B với CT CT được thực hiện từ ngày 26/12/2018 đến ngày 24/5/2019 là kết thúc, tổng số tiền hàng mua của CT CT là 382.607.050 đồng. Tuy nhiên, tính đến ngày 21/01/2021 CT CT còn nợ CT B số tiền 93.983.550 đồng, việc đã thanh toán tiền cho nguyên đơn

được thể hiện như sau: Thanh toán tiền mặt cho CT CT tính đến ngày 24/5/2019 là 152.000.000 đồng; từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019 ông Th đã nhiều lần đến công ty lấy tiền với tổng số tiền là 92.391.450 đồng; sau đó giữa CT CT và CT B có thỏa thuận lấy hàng để bù trừ công nợ nên đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 022019/HĐNT/BAN-CT ngày 20/9/2019 về việc mua bán Sạn Thạch Anh với tổng giá trị hợp đồng là 140.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng CT B đã chuẩn bị xong toàn bộ hàng theo hợp đồng, tuy nhiên sau đó phía CT CT không lấy hàng, theo quy định tại Hợp đồng nguyên tắc trên “*Bên mua không lấy hàng thì được bù trừ thẳng vào công nợ mà bên bán đang nợ bên mua*” nên bị đơn xác định đối trừ khoản tiền hàng theo hợp đồng đối với công nợ đã nợ nguyên đơn, do đó bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét buộc CT B phải thanh toán cho CT CT tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/8/2022) tổng số tiền 514.813.103. đồng (Năm trăm mười bốn triệu, tám trăm mười ba nghìn, một trăm linh ba đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 385.203.000 đồng (*Ba trăm tám mươi năm triệu, hai trăm linh ba nghìn đồng*) và tiền lãi của số tiền chậm thanh toán (lần 1 tính từ ngày 07/4/2019 và lần 2 tính từ ngày 22/5/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/8/2022) với mức lãi xuất 10%/ năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 129.610.193 đồng và tiếp tục phải chịu lãi của số tiền phải thanh toán. Không nhất trí với ý kiến của bị đơn về việc đã thanh toán cho CT CT số tiền 152.000.000 đồng vì các phiếu chi tiền chỉ có chữ ký của ông Nguyễn Duy Thành, không có dấu của Công ty; đối với số tiền 62.000.000 đồng phía CT B không đưa ra được tài liệu gì chứng minh về việc ông Th đã nhận số tiền trên; đối với Hợp đồng nguyên tắc số 022019/HĐNT/BAN-CT ngày 20/9/2019 mua sạn Thạch Anh của CT B được ký kết với cá nhân ông Thành, chứ không phải với CT CT nên không chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí với quan điểm của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc, lãi như đại diện nguyên đơn trình bày.

**\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng các Điều 30, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH XD CT đối với CT B. Buộc Công ty TNHH SX &TM B phải trả cho Công ty TNHH XD CT số tiền nợ gốc là 385.203.000 đồng (*Ba trăm tám mươi năm triệu, hai trăm linh ba nghìn đồng*) và tiền lãi theo quy định pháp luật. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, trong trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH XD CT đối với Công ty TNHH SX &TM B về việc thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc số 012019/HĐNT/BAN-CT về việc mua bán đá Thạch Anh thô giữa hai công ty với mục đích kinh doanh nên xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có trụ sở tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH SX &TM B xác định trụ sở của công ty đồng thời là nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật tại tổ X, phường TL, TPTN ngoài ra không có địa chỉ nào khác, tại phiên tòa đại diện bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng nguyên tắc số 012019/HĐNT/BAN-CT ngày 09/01/2019: Hợp đồng được lập bằng văn bản có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của hai công ty, có tư cách pháp nhân, người đại diện theo pháp luật có đầy đủ năng lực để tham gia giao dịch, tự nguyện khi ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng tuân thủ các quy định Bộ luật dân sự và Điều 24 Luật thương mại, toàn bộ việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, biên bản giao nhận

hàng hóa giữa 2 công ty được bị đơn thừa nhận, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự 2015, Điều 24 Luật thương mại 2005 xác định Hợp đồng nguyên tắc số 012019/HĐNT/BAN-CT ngày 09/01/2019 về việc mua bán Đá Thạch Anh thô giữa các bên là hợp pháp có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về việc thực hiện hợp đồng: CT CT đã tiến hành giao hàng cho CT B 02 lần hàng thể hiện ở các biên bản giao nhận hàng hóa lần thứ nhất: ngày 07/3/2019 đã giao số lượng hàng 380,61 tấn với giá trị 266.427.000 đồng; lần 2 ngày 22/4/2019 đã giao nhận số lượng hàng 169,68 tấn với giá trị 118.776.000 đồng, biên bản giao nhận hàng hóa được đại diện theo pháp luật của hai công ty ký xác nhận, đóng dấu công ty và được bị đơn xác nhận trong quá trình giải quyết vụ án, do đó xác định tổng giá trị tiền hàng nguyên đơn đã giao cho bị đơn theo hợp đồng trên là 385,203,000 đồng.

[2.3] Về nghĩa vụ thanh toán: Theo quy định tại Điều IV hợp đồng quy định: *“thời gian thanh toán bên mua thanh toán cho bên bán “1/3 hoặc 50%” giá trị đơn hàng, số tiền còn lại bên mua sẽ thanh toán trong vòng 25 ngày”*, nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm toàn bộ nghĩa vụ, chưa thanh toán toàn bộ số tiền hàng cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn xác định hiện nay công ty đã tạm ngừng hoạt động, tuy nhiên căn cứ khoản 3 Điều 200 Luật Doanh nghiệp 2014 bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng đã ký kết và thanh toán các khoản nợ. Bị đơn xác định đã thanh toán toàn bộ số tiền hàng cho nguyên đơn, tính đến ngày 21/01/2021 nguyên đơn còn nợ bị đơn số tiền 93.983.550 đồng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết để xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.3.1] Đối với 03 Phiếu chi ngày 06/3/2019, ngày 22/4/2019, ngày 24/5/2019 do bị đơn xuất trình về việc thanh toán số tiền 90.000.000 đồng thấy: Tại phần *“Họ và tên người nhận tiền: Bác Th”* phần người nhận tiền có ký tên; ghi rõ họ tên ở 02 phiếu chi và có 01 phiếu chi ngày 06/3/2019 chỉ ký tên; trong phiếu chi không ghi thanh toán cho hợp đồng nào, các phiếu chi không đóng dấu đồng thời nguyên đơn không thừa nhận chữ ký của nguyên đơn và xác định không nhận được số tiền trên, bị đơn không có quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết nên không có căn cứ chấp nhận về việc bị đơn đã thanh toán số tiền 90.000.000 đồng theo 03 phiếu chi đã xuất trình.

[2.3.2] Đối với trình bày về việc đã trả 62.000.000 đồng do ông Th đến trực tiếp nhận từ gia đình bị đơn nhiều lần, có sổ theo dõi riêng nhưng ông Th không ký kết gì tuy nhiên phía nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho lời khai của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp nên không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3.3] Đối với số tiền 140.000.000 đồng bù trừ công nợ theo Hợp đồng nguyên tắc số 022019/HĐNT/BAN-CT ngày 20/9/2019 (viết tắt Hợp đồng ngày 20/9/2019) mua sạn Thạch Anh: Giữa CT CT và CT B đã có thỏa thuận lấy hàng để bù trừ công

nợ, tuy nhiên sau đó ông Thkhông lấy hàng, nên CT B căn cứ Điều 5 của hợp đồng *“Hàng bên bán làm đủ, đã thông báo cho bên mua lấy hàng mà bên mua không lấy hàng hoặc cố tình không lấy gây ảnh hưởng đến việc bảo quản, ảnh hưởng đến việc sử dụng mặt bằng của bên bán thì lô hàng sẽ được bù trừ thẳng vào công nợ mà bên bán đang nợ bên mua”* để trừ vào số tiền CT B phải thanh toán cho CT CT. Xem xét Hợp đồng ngày 20/9/2019) thấy việc ký kết hợp đồng giữa bên bán Công ty TNHH SX&TM Bảo An Nguyên, bên mua là ông Nguyễn Duy Th, trong hợp đồng không được đóng dấu của CT CT, phía nguyên đơn xác định nếu có việc ký kết hợp đồng thì đây là giao kết của cá nhân của ông Th nên không chấp nhận việc đối trừ công nợ do đó không có căn cứ chấp nhận.

[2.3.4] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận trình bày của bị đơn về việc đã thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 385,203,000 đồng. Trong trường hợp bị đơn có tranh chấp với ông Nguyễn Duy Th theo các phiếu chi, số tiền đã thanh toán và bản hợp đồng nguyên tắc về việc lấy hàng để đối trừ công nợ ngày 20/9/2019 đã ký kết thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.4] Xét yêu cầu trả lãi thấy: theo Điều IV Hợp đồng nguyên tắc số 012019/HĐNT/BAT-CT ngày 09/01/2019 quy định *“Thời gian thanh toán: bên mua thanh toán cho bên bán 1/3 hoặc 50% giá trị đơn hàng, số tiền còn lại bên mua sẽ thanh toán trong vòng 25 ngày”*, Điều VIII quy định *“Bên vi phạm hợp đồng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm”*. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ sau ngày giao hàng 01 tháng (lần 1 tính từ ngày 07/4/2019; lần 2 từ ngày 22/5/2019) và với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp Điều 306 Luật thương mại và có lợi cho phía bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chưa thanh toán cụ thể như sau:

Lần 1: tính từ ngày 07/4/2019 đến ngày 31/8/2022 là 266.427.000 đồng x 10%/năm x 3 năm 4 tháng 23 ngày = 90.487.855 đồng

Lần 2: tính từ ngày 22/5/2019 đến ngày 31/8/2022 là 118.776.000 đồng x 10%/năm x 3 năm 03 tháng 09 ngày = 38.895.072 đồng

Tổng số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 129.382.927 đồng (làm tròn là 129.382.000 đồng)

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tại

phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại 2005

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH XD CT

1. Buộc Công ty TNHH SX &TM B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH XD CT tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/8/2022) là 514.585.000 đồng (Năm trăm mười bốn triệu năm trăm tám mươi năm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc: 385.203.000 đồng (Ba trăm tám mươi năm triệu hai trăm linh ba nghìn đồng); tiền lãi chậm trả 129.382.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

2. Về án phí:

2.1 Buộc Công ty TNHH SX &TM B phải chịu 24.583.400 đồng (Hai mươi tư triệu năm trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Công ty TNHH XD CT không phải chịu án phí dân sự, Trả lại cho Công ty TNHH XD CT số tiền 16.600.000 đồng (mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000793 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyền kháng cáo: Công ty TNHH XD CT có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH SX &TM B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân*

*sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Bích Hiền**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Thị Bích Hiền**